

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 1386/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Huỳnh Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2943/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1313/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1906/2024/QĐST-DS ngày 05/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Nha T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 229/7 đường KVC, Khu phố 6, phường H, thành phố T, Thành phố H- có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lâm Du H, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số 229/7 đường Kha Vạn Cân, Khu phố 6, phường H, thành phố T, Thành phố H – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Nha T và ông Lâm Du H chung sống với nhau năm 2005 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (Nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã, mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế nhiều dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Hiện tại bà T đã sống ly thân ông H được 02 năm nay, trong thời gian sống ly thân 02 bên có liên lạc với nhau chủ yếu về con, còn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm không còn bà T muốn ly hôn ông H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Huỳnh Bảo TR, sinh ngày 10/12/2004 (Đã trưởng thành) và Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007. Hiện tại Lâm Huỳnh Bảo TR đang sống với ông H, còn con Lâm Huỳnh Gia Thịnh đang sống với bà Huỳnh Thị Nha T. Bà T xin nuôi dưỡng con chung Lâm Huỳnh Gia Thịnh và không yêu cầu ông Lâm Du H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lâm Du H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân đúng như bà Huỳnh Thị Nha T trình bày. Quá trình chung sống chúng tôi có xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hòa hợp, có ngời trao đổi hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại đã sống ly thân nhau được 02 năm nay, tuy nhiên ông H vẫn còn tình cảm với bà T do đó ông H không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Huỳnh Bảo TR, sinh ngày 10/12/2004 (Đã trưởng thành) và Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H thì ông H đồng ý giao con chung Lâm Huỳnh Gia Thịnh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Con chung Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007 có nguyện vọng được ở với bà Huỳnh Thị Nha T nếu ba mẹ là ông Lâm Du H và bà Huỳnh Thị Nha T ly hôn.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xác định ông H và bà T phúc đáp là do ông H và bà T không gửi đơn đề nghị hòa giải đến Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh hòa giải nên không có cơ sở để trả lời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, trong đó có xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Nha T và ông Lâm Du H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức (nay thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/2005, quyển số 01 ngày 05/4/2005, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Nha T và ông Lâm Du H, Hội đồng xét xử thấy phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong quá trình chung sống hai vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, hai vợ chồng đã ly thân từ 02 năm nay, vợ chồng không còn chăm sóc, quan tâm, lo cho nhau, bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Nha T và ông Lâm Du H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Bà Huỳnh Thị Nha T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Huỳnh Bảo TR, sinh ngày 10/12/2004 (đã trưởng thành) và Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007. Xét thấy cháu Bảo TR đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, còn cháu Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007 có nguyện vọng được ở với bà Huỳnh Thị Nha T, hơn nữa ông H cũng xác định nếu tòa án cho 02 vợ chồng ly hôn thì ông cũng đồng ý giao con chung Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007 cho bà Huỳnh Thị Nha T được trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T, giao con chung Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007 cho bà Huỳnh Thị Nha T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu, còn ông H cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nên không có cơ sở để xem xét.

[5]. Về tài sản chung: không có.

[6]. Nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Bà Huỳnh Thị Nha T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Huỳnh Thị Nha T đã nộp.

[8]. Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Nha T được ly hôn với ông Lâm Duy H.

2. Về con chung: Giao con chung Lâm Huỳnh Gia TH sinh ngày 02/12/2007 cho bà Huỳnh Thị Nha T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lâm Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Huỳnh Thị Nha T phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do bà Huỳnh Thị Nha T đã nộp theo biên lai thu số 0001997 ngày 04/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng